

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST

Ngày: 26/3/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Hợp**

Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Lý Khang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Bành Bảo Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 171/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2025/QĐST-DS, ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Phan Văn T**, sinh năm: 1963

Địa chỉ: ấp Hòa Thuận, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

(Ông T có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: Bà **Đinh Thị Trà G**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: 21 Lương Văn Can, khu phố 2, phường An B, thành phố Rạch G, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở hiện nay: ấp Vĩnh Thành B, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu T, tỉnh K Giang

Ông **Nguyễn Văn X**, sinh năm: 1981

Địa chỉ: 14/34, Nguyễn Thiện Thuật, phường Rạch S, thành phố Rạch G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Vĩnh Thành B, xã Vĩnh Hòa H, huyện Châu Th, tỉnh K Giang

(Ông X, bà G vắng mặt lần thứ 3 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày trình bày: Vào ngày 23/05/2023 vợ chồng ông X, bà G có vay tôi số tiền 300.000.000đ hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, đến ngày 02/6/2023 vợ chồng ông X, bà G có vay thêm 300.000.000đồng, cả hai lần vay đều có làm biên nhận.

Đến nay ngày 01/3/2024 ông T có yêu cầu vợ chồng X, G làm lại cho một biên nhận mới bằng số tiền 600.000.000đ, để thời hạn vay 12 tháng, hai bên hẹn mỗi tháng trả 40.000.000đ tiền vốn và đóng lãi, thời điểm nay ông chỉ lấy lãi suất của ông X, bà G là 1,8%/tháng. Từ khi vay đến nay vợ chồng G, X chỉ trả cho tôi được 17.000.000đ và trả lãi được 4 tháng.

Tính đến nay vợ chồng G, X còn nợ tôi số tiền vốn là 583.000.000đ và tiền lãi 4 tháng.

Mặc dù tôi đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng X, G trả nợ cho tôi nhưng vợ chồng X, G chỉ hứa mà không trả.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng X, G trả nợ cho tôi số tiền gốc là 583.000.000đ. Đối với nội dung trình bày của bà Giang, ông X xác nhận có đóng lãi cho tôi 224.000.000đ là tôi xác nhận có đóng và tôi đồng ý yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa: Ông T yêu cầu bà G, ông X có trách nhiệm trả nợ cho ông số tiền vay gốc là 583.000.000đ (năm trăm tám mươi ba triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 23/5/2023 đến nay đối với số tiền gốc là 283.000.000 đồng và từ ngày 02/6/2023 đến nay trên số tiền gốc là 300.000.000đ

Đối với số tiền 224.000.000đ mà bị đơn đã đóng cho ông T thì ông T thống nhất cần trừ cho bà G theo quy định.

* Theo bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của đồng bị đơn bà G, ông X Giang trình bày: Theo yêu cầu của ông Tổng khởi kiện vợ chồng tôi có vay ông Tổng số tiền gốc 2 lần là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng), sau đó vợ chồng ông bà đã trả cho ông Tổng số tiền lãi như sau:

- Ngày 06/6/2023 chuyển khoản 9.000.000đ;
- Ngày 13/06/2023 chuyển khoản 9.000.000đ;
- Ngày 22/06/2023 chuyển khoản 18.000.000đ;
- ngày 30/6/2023 chuyển khoản 9.000.000 đồng;

- Ngày 07/7/2023 chuyển khoản 9.000.000 đồng;
- Ngày 14/7/2024 chuyển khoản 10.000.000 đồng;
- Ngày 22/7/2023 chuyển khoản 10.000.000 đồng;
- Ngày 12/8/2023 chuyển khoản 10.000.000 đồng;
- Chuyển khoản 50.000.000 đồng (Không nhớ ngày);
- Ngày 07/11/2023 chuyển khoản 10.000.000 đồng;
- Ngày 28/12/2023 chuyển khoản 7.000.000 đồng;
- Ngày .../.../... chuyển khoản 3.000.000 đồng (Không nhớ ngày);
- Ngày 03/02/2024 chuyển khoản 10.000.000 đồng;
- Ngày 26/3/2024 chuyển khoản 10.000.000 đồng;
- Ngày 01/4/2024 chuyển khoản 10.000.000 đồng;
- Ngày 11/4/2024 chuyển khoản 10.000.000 đồng;

Tổng cộng là 194.000.000 đồng.

- Ngày 05/6/2024 chuyển khoản 10.000.000 đồng
- Ngày 13/6/2024 chuyển khoản 10.000.000 đồng
- Ngày 14/6/2024 chuyển khoản 10.000.000 đồng

Tổng cộng là 30.000.000 đồng.

Đến nay vợ chồng ông bà đã trả cho ông T số tiền là 224.000.000đ tiền lãi. Nay vợ chồng bà G, ông X thừa nhận có vay ông T tổng số tiền là 600.000.000đ gốc, vợ chồng bà G, ông X xác nhận biên nhận ngày 23/5/2023 và ngày 02/6/2023 là của vợ chồng tôi ký.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng Tòa án gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát là trễ so với quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông T buộc bị đơn bà G, ông X có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông T số tiền vay gốc 583.000.000đ và lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] – Về tố tụng:

[1.1] - Về thẩm quyền xét xử: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T khởi kiện bị đơn bà G, ông X được thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà G, ông X phải trả số tiền đã vay nên HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

[1.3] - Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đơn bà G, ông X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần 2, tuy nhiên đơn bà G, ông X có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa các đương sự thống nhất xét xử vắng mặt đơn bà G, ông X, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt đơn bà G, ông X.

[2] - Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan Văn Tổng và bị đơn đơn bà G, ông X đều xác nhận là vào ngày 23/5/2023 ông Xuân, bà Giang có vay của ông T số tiền 300.000.000đ, đến ngày 02/6/2023 đơn bà G, ông X tiếp tục vay thêm 300.000.000đ, cả hai lần vay đều có làm biên nhận (đơn bà G, ông X đều thừa nhận có làm biên nhận), tổng cộng 02 lần vay là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng). Tại phiên tòa ông T thừa nhận bị đơn có trả được cho ông số tiền vay gốc là 17.000.000đ và ông T thống nhất căn trừ vào số tiền gốc kể từ ngày 23/5/2023, mặc dù bị đơn không có nài ra nhưng xét thấy việc nguyên đơn thừa nhận và vấn đề này có lợi cho bị đơn nên HĐXX chấp nhận. Do đó số tiền vay gốc mà bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng cộng là 583.000.000đ.

HĐXX xét thấy, việc nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận số tiền vay nên đây là trường hợp thuộc những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay theo quy định của pháp luật.

[3] - Về yêu cầu tính lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn xác định khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, nhưng đến ngày 01/3/2024 khi làm biên nhận mới với số tiền là 600.000.000đ thì hai bên chỉ thỏa thuận lãi suất là 1,8%/tháng nên đây là trường hợp vay có thỏa thuận lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2017. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất với nhau là đơn bà G, ông X nhiều lần đóng lãi cho ông Tổng số tiền là 224.000.000đ, do đó lãi được tính như sau:

- ***Từ ngày 23/5/2023 đến ngày 01/6/2023 là 09 ngày, lãi được tính như sau:***

283.000.000đ x 09 ngày x 0,055%/ngày = 1.400.850 đồng

- ***Từ ngày 02/6/2023 đến ngày 06/06/2022 là 05 ngày, lãi được tính như sau:*** $583.000.000đ \times 5 \text{ ngày} \times 0,055\%/ \text{ngày} = 1.603.250 \text{ đồng}$

Từ ngày 23/5/2023 đến ngày 06/06/2023 đơn bà G, ông X đóng lãi cho ông Tổng được 9.000.000đ, do đó số tiền lãi đã vượt so với quy định là: $9.000.000đ - (1.400.850 \text{ đồng} + 1.603.250 \text{ đồng}) = 5.995.900 \text{ đồng}$, do đó cần trừ vào số tiền gốc nên số tiền gốc còn lại là: $583.000.000đ - 5.995.900 \text{ đồng} = 577.004.100 \text{ đồng}$.

- ***Từ ngày 07/6/2023 đến ngày 13/6/2023 là 10 ngày, lãi được tính như sau:***

$577.004.100 \text{ đồng} \times 10 \text{ ngày} \times 0,055\%/ \text{ngày} = 3.173.522 \text{ đồng}$, đơn bà G, ông X đóng lãi được 9.000.000đ, do đó số tiền lãi đã vượt so với quy định là: $9.000.000\text{đồng} - 3.173.522 \text{ đồng} = 5.826.478 \text{ đồng}$, số tiền gốc còn lại sau khi cần trừ lãi đã đóng vượt quy định là: $577.004.100 \text{ đồng} - 5.826.478 \text{ đồng} = 571.177.622 \text{ đồng}$.

- ***Từ ngày 14/6/2023 đến ngày 22/6/2023 là 09 ngày, lãi được tính như sau:***

$571.177.622 \text{ đồng} \times 09 \text{ ngày} \times 0,055\%/ \text{ngày} = 2.827.329 \text{ đồng}$, do đó số tiền lãi đã vượt so với quy định là: $18.000.000\text{đồng} - 2.827.329 \text{ đồng} = 15.172.671\text{đồng}$, số tiền gốc còn lại sau khi cần trừ vào lãi đã đóng vượt so với quy định là: $571.177.622 \text{ đồng} - 15.172.671\text{đồng} = 556.004.951 \text{ đồng}$.

- ***Từ ngày 23/6/2023 đến ngày 30/6/2023 là 08 ngày, lãi được tính như sau:***

$556.004.951 \text{ đồng} \times 08 \text{ ngày} \times 0,055\%/ \text{ngày} = 2.446.421 \text{ đồng}$, do đó số tiền lãi đã vượt so với quy định là: $9.000.000đ - 2.446.421 \text{ đồng} = 6.553.579 \text{ đồng}$, số tiền gốc còn lại sau khi cần trừ vào lãi đã đóng vượt so với quy định là: $556.004.951 - 6.553.579 \text{ đồng} = 549.451.372 \text{ đồng}$.

- ***Từ ngày 01/7/2023 đến ngày 07/7/2023 là 07 ngày, lãi được tính như sau:***

$549.451.372 \text{ đồng} \times 07 \text{ ngày} \times 0,055\%/ \text{ngày} = 2.115.387 \text{ đồng}$, số tiền lãi đã đóng vượt so với quy định là: $9.000.000\text{đồng} - 2.115.387 \text{ đồng} = 6.884.613 \text{ đồng}$, số tiền gốc còn lại sau khi cần trừ vào lãi đã đóng vượt so với quy định là: $549.451.372 \text{ đồng} - 6.884.613 \text{ đồng} = 542.566.759 \text{ đồng}$.

- ***Từ ngày 08/7/2023 đến ngày 14/7/2023 là 07 ngày, lãi được tính như sau:***

$542.566.759 \text{ đồng} \times 07 \text{ ngày} \times 0,055\%/ \text{ngày} = 2.088.882 \text{ đồng}$, số tiền lãi đã đóng vượt so với quy định là: $10.000.000\text{đồng} - 2.088.882 \text{ đồng} = 7.911.118\text{đồng}$, số tiền gốc còn lại sau khi cần trừ vào lãi đã đóng vượt so với quy định là: $542.566.759 \text{ đồng} - 7.911.118 \text{ đồng} = 534.655.641 \text{ đồng}$.

- ***Từ ngày 15/7/2023 đến ngày 22/7/2023 là 08 ngày, lãi được tính như sau:***

$534.655.641 \text{ đồng} \times 08 \text{ ngày} \times 0,055\%/ \text{ngày} = 2.352.484 \text{ đồng}$, số tiền lãi đã đóng vượt so với quy định là: $10.000.000đ - 2.352.484 \text{ đồng} = 7.647.516 \text{ đồng}$, số tiền gốc còn lại sau khi cần trừ vào lãi đã đóng vượt so với quy định là: $534.655.641 \text{ đồng} - 7.647.516 \text{ đồng} = 527.088.125 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 23/7/2023 đến ngày 12/8/2023 là 20 ngày, lãi được tính như sau:

$527.088.125 \text{ đồng} \times 20 \text{ ngày} \times 0,055\%/\text{ngày} = 5.797.969 \text{ đồng}$, số tiền lãi đã đóng vượt so với quy định là: $10.000.000\text{đ} - 5.797.969 \text{ đồng} = 4.202.031 \text{ đồng}$, số tiền gốc còn lại sau khi cần trừ vào lãi đã đóng vượt so với quy định là: $527.088.125 \text{ đồng} - 4.202.031 \text{ đồng} = 522.886.094 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 13/8/2023 đến ngày 07/11/2023 là 84 ngày, lãi được tính như sau: $522.886.094 \text{ đồng} \times 84 \text{ ngày} \times 0,055\%/\text{ngày} = 24.157.337 \text{ đồng}$, số tiền lãi đã vượt so với quy định là: $(50.000.000\text{đ} + 10.000.000\text{đ}) - 24.157.337 \text{ đồng} = 35.842.663 \text{ đồng}$, số tiền gốc còn lại sau khi cần trừ vào lãi đã đóng vượt so với quy định là: $522.886.094 \text{ đồng} - 35.842.663 \text{ đồng} = 487.044.000 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 08/11/2023 đến ngày 28/12/2023 là 50 ngày, lãi được tính như sau: $487.044.000 \text{ đồng} \times 50 \text{ ngày} \times 0,055\%/\text{ngày} = 13.393.710 \text{ đồng}$, tuy nhiên đơn bà G, ông X chỉ đóng lãi cho ông T số tiền là $7.000.000\text{đ}$, do đó bà Giang, ông Xuân còn thiếu tiền lãi suất ông Tổng là $13.393.710 \text{ đồng} - 7.000.000\text{đ} = 6.393.710\text{đồng}$.

- Từ ngày 29/12/2023 đến ngày 03/02/2024 là 33 ngày, lãi được tính như sau: $487.044.000 \text{ đồng} \times 33 \text{ ngày} \times 0,055\%/\text{ngày} = 8.839.848 \text{ đồng}$, số tiền lãi đơn bà G, ông X đã đóng cho T là $13.000.000\text{đ}$ ($3.000.000\text{đ} + 10.000.000\text{đ}$), tổng cộng tiền lãi đơn bà G, ông X phải thanh toán cho ông T từ ngày 08/11/2023 đến ngày 03/2024 tổng cộng là $22.233.558 \text{ đồng}$ ($13.393.710 \text{ đồng} + 8.839.710 \text{ đồng}$), nhưng đơn bà G, ông X đã thanh toán lãi cho ông T là $20.000.000\text{đ}$ ($7.000.000\text{đ} + 3.000.000\text{đ} + 10.000.000\text{đ}$), do đó đơn bà G, ông X còn nợ lại tiền lãi suất ông Tổng là $22.233.558 \text{ đồng} - 20.000.000\text{đ} = 2.233.558 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 04/02/2024 đến ngày 26/3/2024 là 52 ngày, lãi được tính như sau: $487.044.000 \text{ đồng} \times 52 \text{ ngày} \times 0,055\%/\text{ngày} = 13.929.458\text{đồng}$, cộng với tiền lãi suất đơn bà G, ông X còn nợ trước đó nên tiền lãi suất đơn bà G, ông X còn nợ ông Tổng đến ngày 26/3/2024 là $16.163.016 \text{ đồng}$, nhưng ông Xuân, bà Giang đã đóng được $10.000.000\text{đ}$ nên đơn bà G, ông X chỉ còn nợ tiền lãi là $6.163.016 \text{ đồng}$ ($16.163.016 \text{ đồng} - 10.000.000\text{đ}$).

- Từ ngày 27/03/2024 đến ngày 01/4/2024 là 05 ngày, lãi được tính như sau: $487.044.000 \text{ đồng} \times 05 \text{ ngày} \times 0,055\%/\text{ngày} = 1.339.371 \text{ đồng}$, tính đến ngày 01/4/2024 tiền lãi đơn bà G, ông X còn nợ ông Tổng là $7.502.387 \text{ đồng}$, nhưng đơn bà G, ông X đã đóng cho ông T được $10.000.000\text{đ}$ nên tiền lãi suất vượt quy định là $10.000.000\text{đ} - 7.502.387 \text{ đồng} = 2.497.613 \text{ đồng}$, số tiền gốc còn lại sau khi cần trừ vào tiền lãi đã đóng vượt so với quy định định là : $487.044.000 \text{ đồng} - 2.497.613 \text{ đồng} = 484.546.387 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 02/4/2024 đến ngày 11/4/2024 là 10 ngày, lãi được tính như sau:

$484.546.387 \text{ đồng} \times 10 \text{ ngày} \times 0,055\%/\text{ngày} = 2.665.005 \text{ đồng}$, lãi suất đã đóng vượt so với quy định là $10.000.000\text{đ} - 2.665.005 \text{ đồng} = 7.334.995 \text{ đồng}$, số tiền gốc còn lại sau khi căn trừ vào lãi đã đóng vượt so với quy định là: $484.546.387\text{đồng} - 7.334.995\text{đồng} = 477.211.392 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 12/4/2024 đến ngày 05/6/2024 là 53 ngày, lãi được tính như sau:

$477.211.392 \text{ đồng} \times 53 \text{ ngày} \times 0,055\%/\text{ngày} = 13.910.712 \text{ đồng}$, đơn bà G, ông X đóng cho ông T được $10.000.000\text{đ}$, do đó lãi suất đơn bà G, ông X còn thiếu là $13.910.712 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} = 3.910.712 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 06/6/2024 đến ngày 13/6/2024 là 08 ngày, lãi được tính như sau:

$477.211.392 \text{ đồng} \times 08 \text{ ngày} \times 0,055\%/\text{ngày} = 2.099.730 \text{ đồng}$, do đó tính đến ngày 13/6/2024 lãi suất đơn bà G, ông X nợ ông T là $6.010.442 \text{ đồng}$, do đó lãi suất vượt so với quy định là $10.000.000\text{đ} - 6.010.442 \text{ đồng} = 3.989.558 \text{ đồng}$, số tiền gốc sau khi căn trừ vào tiền lãi đã đóng vượt so với quy định là: $477.211.392 \text{ đồng} - 3.989.558 \text{ đồng} = 473.221.834 \text{ đồng}$.

- Từ ngày 14/6/2024 đến ngày 14/6/2024 là 01 ngày, lãi được tính như sau:

$473.221.834 \text{ đồng} \times 01 \text{ ngày} \times 0,055\%/\text{ngày} = 260.272\text{đồng}$, lãi suất đơn bà G, ông X đóng vượt so với quy định là $10.000.000\text{đồng} - 260.272 \text{ đồng} = 9.739.728 \text{ đồng}$, số tiền gốc còn lại sau khi căn trừ tiền lãi đã đóng vượt quy định là $473.221.834\text{đồng} - 9.739.728 \text{ đồng} = 463.482.106\text{đồng}$.

- Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 26/3/2025(ngày xét xử) là 281 ngày, lãi suất được tính như sau:

$463.482.106\text{đồng} \times 281 \text{ ngày} \times 0,055\%/\text{ngày} = 71.631.159\text{đồng}$.

Từ những phân tích nêu trên tính đến ngày 26/3/2025 vợ chồng đơn bà G, ông X còn nợ ông T số tiền vay gốc là $463.482.106 \text{ đồng}$ và tiền lãi suất là $71.631.159 \text{ đồng}$, tổng cộng gốc và lãi là $535.113.265 \text{ đồng}$. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thống nhất số tiền nợ gốc, nợ lãi suất nêu trên và không có ý kiến.

[4] - Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc và lãi tổng cộng là $535.113.265 \text{ đồng}$ (năm trăm ba mươi lăm triệu một trăm mười ba ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng) là có cơ sở chấp nhận, bởi vì trong quá trình giải quyết vụ án cũng tại phiên tòa hôm nay qua lời trình bày của nguyên đơn cũng như trên cơ sở đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ HĐXX xét thấy có đủ căn cứ để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc trên.

Việc bị đơn cố tình trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp cho nguyên đơn.

[5] - Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc đại diện viện kiểm sát cho rằng Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án là trễ theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vấn đề này Tòa án ghi nhận và sẽ khắc phục cho những vụ án sau.

[6] - Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn đơn bà G, ông X phải liên đới chịu án phí với số tiền là: $535.113.265 \text{ đồng} = (20.000.000\text{đ} + \{135.113.265\text{đ} \times 4\%\}) = 25.404.530,6\text{đồng}$. Ông T thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T

Xử:

1. Buộc ông đơn bà G, ông X cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho ông T số tiền vay gốc 463.482.106 đồng, tiền lãi là 71.631.159 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 535.113.265 đồng (năm trăm ba mươi lăm triệu một trăm mười ba ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng).

Địa điểm giao nhận tiền trả nợ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn đơn bà G, ông X phải liên đới chịu án phí với số tiền 25.404.530,6đồng(hai mươi lăm triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn năm trăm ba mươi ngàn phẩy sáu đồng).

Nguyên đơn ông T thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

